TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 89/2021/QĐST-HNGĐ	Kế Sách, ngày 31 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 3 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 23/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Anh Nguyễn Hoàng T**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: số xx, ấp A, thị trấn A, huyện K, tỉnh S.

Bị đơn: **Chị Huỳnh Bé H**, sinh năm 1985.

Địa chỉ HKTT: số xx, ấp A, thị trấn A, huyện K, tỉnh S.

Địa chỉ hiện nay: ấp xx, xã T, huyện K, tỉnh S.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hoàng T và chị Huỳnh Bé H tự công nhận không phải là vợ chồng do anh Thanh và chị Hường không đăng ký kết hôn.

- Về con chung: Anh Nguyễn Hoàng T và chị Huỳnh Bé H cùng thống nhất xác định trong quá trình chung sống có 02 con chung là: Nguyễn Gia Q, sinh ngày 23/9/2005 và Nguyễn Gia N, sinh ngày 14/11/2007.

Anh Nguyễn Hoàng T và chị Huỳnh Bé H cùng thống nhất thoả thuận như

sau:

Giao 02 con chung là: Nguyễn Gia Q, sinh ngày 23/9/2005 và Nguyễn Gia N, sinh ngày 14/11/2007 cho anh Nguyễn Hoàng T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (tròn 18 tuổi – theo nguyện vọng của cháu Q và cháu N). Chị Huỳnh Bé H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Huỳnh Bé H khỏi phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung là: Nguyễn Gia Q, sinh ngày 23/9/2005 và Nguyễn Gia N, sinh ngày 14/11/2007 do anh Nguyễn Hoàng T không có yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Theo lời khai của anh Nguyễn Hoàng T và chị Huỳnh Bé H xác định là không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí HNST: Anh Nguyễn Hoàng T tự nguyện chịu toàn bộ án phí HNST là 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng). Anh T đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008780 ngày 21/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách nên anh Thanh được hoàn trả lại 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng).

Do anh T tự nguyện chịu toàn bộ án phí HNST cho nên chị Huỳnh Bé H khỏi phải chịu án phí HNST.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- CCTHADS huyện Kế Sách;
- UBND xã (thị trấn)

cấp giấy chứng nhận kết hôn;
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Hải Duy

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).